

Số: 254/2025/BC-QTRR Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ từ ngày 01/02/2025 đến 28/02/2025 năm 2025 như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3			ACC	ACC
4	ACG			ACG
5	ACL			ACL
6	ADS			ADS
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANV			ANV
10	ASM			ASM
11	AST			AST

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
12	BAF			BAF
13	BCG			BCG
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16	BIC			BIC
17	BID			BID
18	BMC			BMC
19	BMI			BMI
20	BMP			BMP
21	BSI			BSI
22	BVH			BVH
23	BWE			BWE
24	C32			C32
25	CCL			CCL
26	CDC			CDC
27	CII			CII
28	CLC			CLC
29	CMG			CMG
30	CNG			CNG
31	CRC			CRC
32	CSM			CSM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
33	CSV			CSV
34	CTD			CTD
35	CTF			CTF
36	CTG			CTG
37	CTI			CTI
38	CTR			CTR
39	CTS			CTS
40	CVT			CVT
41	DBC			DBC
42	DBD			DBD
43	DC4			DC4
44	DCL			DCL
45	DCM			DCM
46	DGC			DGC
47	DGW			DGW
48	DHA			DHA
49	DHC			DHC
50	DHG			DHG
51	DIG			DIG
52	DMC			DMC
53	DPG			DPG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
54	DPM			DPM
55	DPR			DPR
56	DRC			DRC
57			DSE	DSE
58	DVP			DVP
59	DXG			DXG
60	DXS			DXS
61	EIB			EIB
62	ELC			ELC
63	EVF			EVF
64	FCN			FCN
65	FIR			FIR
66	FIT			FIT
67	FMC			FMC
68	FPT			FPT
69	FRT			FRT
70	FTS			FTS
71	GAS			GAS
72	GDT			GDT
73	GEG			GEG
74	GEX			GEX

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	GMD			GMD
76	GSP			GSP
77	GVR			GVR
78	HAH			HAH
79	HAX			HAX
80	HCD			HCD
81	HCM			HCM
82	HDB			HDB
83	HDC			HDC
84	HDG			HDG
85	HHP			HHP
86	HHS			HHS
87	HHV			HHV
88	HPG			HPG
89	HPX			HPX
90	HQC			HQC
91	HSG			HSG
92	HT1			HT1
93	HTG			HTG
94	HTI			HTI
95	HTN			HTN

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
96	HVH			HVH
97	IDI			IDI
98	IJC			IJC
99	ILB			ILB
100	IMP			IMP
101	ITC			ITC
102	KBC			KBC
103	KDC			KDC
104	KDH			KDH
105	KHG			KHG
106	KHP			KHP
107	KSB			KSB
108	LBM			LBM
109	LCG			LCG
110	LHG			LHG
111	LIX			LIX
112	LPB			LPB
113	LSS			LSS
114	MBB			MBB
115			MCM	MCM
116	MIG			MIG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
117	MSB			MSB
118	MSH			MSH
119	MSN			MSN
120	MWG			MWG
121	NAB			NAB
122	NAF			NAF
123	NBB			NBB
124	NCT			NCT
125	NHA			NHA
126	NHH			NHH
127	NKG			NKG
128	NLG			NLG
129	NNC			NNC
130	NO1			NO1
131	NSC			NSC
132	NTL			NTL
133	OCB			OCB
134	ORS			ORS
135	PAC			PAC
136	PAN			PAN
137	PC1			PC1

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
138	PDR			PDR
139	PET			PET
140	PGC			PGC
141	PGD			PGD
142	PHC			PHC
143	PHR			PHR
144	PLX			PLX
145	PNJ			PNJ
146	POW			POW
147	PPC			PPC
148	PTB			PTB
149	PVD			PVD
150	PVP			PVP
151	PVT			PVT
152	REE			REE
153	SAB			SAB
154	SAM			SAM
155	SAV			SAV
156	SBT			SBT
157	SCR			SCR
158	SCS			SCS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
159	SFG			SFG
160	SFI			SFI
161	SGN			SGN
162	SHB			SHB
163	SHI			SHI
164	SIP			SIP
165	SJD			SJD
166	SJS			SJS
167	SKG			SKG
168	SRC			SRC
169	SSB			SSB
170	SSI			SSI
171	ST8			ST8
172	STB			STB
173	SVC			SVC
174	SZC			SZC
175	SZL			SZL
176	TCB			TCB
177	TCD			TCD
178	TCH			TCH
179	TCI			TCI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
180	TCL			TCL
181	TCM			TCM
182	TCO			TCO
183	TDM			TDM
184	TDP			TDP
185	TEG	TEG		
186	THG			THG
187	TIP			TIP
188	TLG			TLG
189	TMS			TMS
190	TNH			TNH
191	TPB			TPB
192	TRA			TRA
193	TRC			TRC
194	TTA			TTA
195	TV2			TV2
196	TVS			TVS
197	TYA			TYA
198	VCB			VCB
199	VCG			VCG
200	VCI			VCI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
201	VDS			VDS
202	VFG			VFG
203	VGC			VGC
204	VHC			VHC
205	VHM			VHM
206	VIB			VIB
207	VIC			VIC
208	VIP			VIP
209	VIX			VIX
210	VJC			VJC
211	VNM			VNM
212	VOS			VOS
213	VPB			VPB
214	VPG			VPG
215	VPI			VPI
216	VRE			VRE
217	VSC			VSC
218	VSH			VSH
219	VTO			VTO
220	VTP			VTP
221	YEG			YEG

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BAB			BAB
2	BVS			BVS
3	CAP			CAP
4	CEO			CEO
5	CMS			CMS
6	CSC			CSC
7	DHT			DHT
8	DL1			DL1
9	DNP			DNP
10			DP3	DP3
11	DTD			DTD
12	DVM			DVM
13	DXP			DXP
14	HBS			HBS
15	HUT			HUT
16	HVT			HVT
17	IDC			IDC
18	IDV			IDV
19	IPA			IPA
20			IVS	IVS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
21	KSV			KSV
22	L14			L14
23			L18	L18
24	LAS			LAS
25	LHC			LHC
26	LIG			LIG
27	MBS			MBS
28	NAG			NAG
29	NBC			NBC
30	NDN			NDN
31	NET			NET
32	NTP			NTP
33	PCH			PCH
34	PGS			PGS
35	PLC			PLC
36	PPT			PPT
37	PSD			PSD
38	PTI			PTI
39	PVB			PVB
40	PVC			PVC
41	PVI			PVI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
42	PVS			PVS
43	S99			S99
44	SCG			SCG
45	SHS			SHS
46	SJE			SJE
47	SLS			SLS
48	TDT			TDT
49	TIG			TIG
50	TMB			TMB
51	TNG			TNG
52	TPP			TPP
53	TVD			TVD
54	VC3			VC3
55	VC7			VC7
56	VCS			VCS
57	VFS			VFS
58	VGS			VGS
59	VHE			VHE
60	VNR			VNR
61	VTZ			VTZ

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:

https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.
Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập



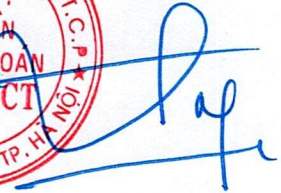
Nguyễn Thị Liên

Người duyệt



Nguyễn Lê Nam

Tổng Giám đốc



Nguyễn Vũ Long